

Bản tin ETF:

Dự báo thay đổi danh mục ETF kỳ Q2/2023

Các quỹ ETF ngoại sẽ thực hiện tái cơ cấu danh mục kỳ quý 2/2023 theo lịch dưới đây. Hai nhóm chỉ số của FTSE và MVIS sẽ cần hoàn thành cơ cấu danh mục vào ngày **16/06**, trong khi các chỉ số của MSCI có lịch cơ cấu sớm hơn, vào ngày **31/05**.

	MVIS	FTSE	FTSE30	MSCI
Ngày chốt số liệu	31/05/2023	26/05/2023	19/05/2023	
Ngày công bố	09/06/2023	02/06/2023		11/05/2023
Ngày hoàn thành cơ cấu danh mục	16/06/2023	16/06/2023	16/06/2023	31/05/2023

1. MSCI Frontier Markets Index

MSCI đã công bố kết quả danh mục quý 2/2023 như sau:

- **MSCI Frontier Markets Index** (nhóm large/mid cap): không có thay đổi về danh mục cổ phiếu Việt Nam
- **MSCI Frontier Markets Smallcap Index**: thêm VSH và loại HNG

Quỹ iShares MSCI Frontier and Select EM ETF (chỉ số cơ sở MSCI Frontier and Emerging Markets Select Index) hiện có tổng tài sản 665 triệu USD.

2. FTSE Vietnam Index

Dựa trên số liệu chốt ngày 26/05, chúng tôi dự báo:

- **NVL** có thể bị loại do cổ phiếu thuộc diện bị cảnh báo.

Giả định với các thay đổi như trên, danh mục chỉ số sẽ bao gồm 24 cổ phiếu. Tổng tài sản quỹ FTSE Vietnam Swap UCITS ETF tại ngày 26/05 đạt 331 triệu USD. Chúng tôi ước tính tỷ trọng danh mục chỉ số và giao dịch của quỹ như sau:

FTSE Vietnam Index và FTSE Vietnam Swap UCITS ETF

TT	CP	Tỷ trọng mới	Tỷ trọng hiện tại	+/-	+/- cổ phiếu	KLGD bình quân phiên	Số phiên giao dịch tương đương
1	VHM	14,62%	14,01%	0,60%	855.086	1.732.284	0,49
2	VIC	12,50%	12,46%	0,04%	64.228	2.321.470	0,03
3	HPG	12,21%	11,71%	0,50%	1.862.482	18.063.460	0,10
4	VNM	9,86%	9,45%	0,41%	474.479	1.993.687	0,24
5	MSN	9,37%	8,94%	0,43%	467.137	1.317.772	0,35
6	VCB	6,98%	8,65%	-1,67%	-1.410.576	830.112	1,70
7	VRE	6,27%	4,86%	1,40%	3.942.438	2.832.340	1,39
8	SSI	4,95%	5,11%	-0,16%	-556.299	18.471.142	0,03
9	VJC	3,24%	3,10%	0,13%	106.217	1.536.014	0,07
10	SHB	2,16%	2,07%	0,09%	601.379	25.338.277	0,02
11	VCI	2,03%	1,94%	0,10%	218.997	4.967.840	0,04
12	VND	1,93%	1,85%	0,08%	390.100	22.750.732	0,02
13	DGC	1,90%	1,82%	0,08%	121.650	1.717.253	0,07
14	KBC	1,90%	1,98%	-0,08%	-236.083	8.932.227	0,03
15	EIB	1,76%	1,69%	0,07%	282.409	9.969.699	0,03
16	POW	1,30%	1,24%	0,05%	307.068	6.988.648	0,04
17	GEX	1,27%	1,24%	0,03%	143.669	15.568.514	0,01
18	PVD	1,25%	1,27%	-0,02%	-51.449	5.678.661	0,01
19	DIG	1,10%	1,21%	-0,11%	-429.223	24.533.075	0,02
20	DPM	0,89%	1,18%	-0,29%	-709.487	1.759.397	0,40
21	DXG	0,88%	0,86%	0,02%	109.000	18.948.494	0,01
22	HSG	0,83%	0,87%	-0,04%	-195.076	12.630.302	0,02
23	VCG	0,82%	0,83%	-0,01%	-28.453	7.007.649	0,00
24	NVL	0,00%	1,67%	-1,67%	-10.049.790	17.609.813	0,57

Nguồn: SSI Research

3. MVIS Vietnam Index

Dựa trên số liệu cập nhật ngày 26/05, chúng tôi dự báo:

- EIB có thể được thêm vào rổ chỉ số nhờ thỏa mãn điều kiện về thanh khoản;
- Không có cổ phiếu nào bị loại.

Giả định như trên, danh mục chỉ số MVIS Vietnam Index sẽ có 42 cổ phiếu. Tổng giá trị tài sản của quỹ VanEck Vectors Vietnam ETF tại ngày 26/05 đạt 499 triệu USD. Chúng tôi ước tính tỷ trọng danh mục mới như sau:

MVIS Vietnam Index và VanEck Vectors Vietnam ETF

TT	CP	KL đang nắm giữ	Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	+/-	+/- cổ phiếu	KLGD bình quân phiên	Số phiên giao dịch tương đương
1	VIC	16.687.149	7,49%	8,00%	0,51%	1.144.284	2.321.470	0,49
2	VHM	18.273.267	8,58%	8,00%	-0,58%	-1.237.827	1.732.284	0,71
3	VNM	11.560.941	6,62%	7,00%	0,38%	660.452	1.993.687	0,33
4	HPG	33.895.797	6,14%	6,50%	0,36%	2.005.396	18.063.460	0,11
5	VCB	7.194.245	5,72%	6,00%	0,28%	350.699	830.112	0,42
6	MSN	7.562.676	4,65%	5,47%	0,82%	1.327.212	1.317.772	1,01
7	SSI	27.917.308	5,37%	5,00%	-0,37%	-1.903.888	18.471.142	0,10
8	VND	31.701.580	4,29%	4,12%	-0,17%	-1.277.161	22.750.732	0,06
9	NVL	29.497.958	3,33%	3,07%	-0,26%	-2.387.527	17.609.813	0,14
10	VCI	10.110.950	2,94%	2,93%	-0,01%	-27.193	4.967.840	0,01
11	VRE	13.588.922	3,22%	2,85%	-0,37%	-1.563.816	2.832.340	0,55
12	SAB	2.255.900	3,04%	2,82%	-0,22%	-168.632	140.164	1,20
13	SHB	25.892.500	2,60%	2,40%	-0,20%	-1.987.307	25.338.277	0,08
14	POW	16.476.210	1,89%	2,25%	0,36%	3.087.650	6.988.648	0,44
15	DGC	4.408.732	1,91%	1,84%	-0,07%	-174.166	1.717.253	0,10
16	VJC	2.476.840	2,07%	1,80%	-0,27%	-323.118	1.536.014	0,21
17	KBC	7.830.700	1,78%	1,76%	-0,03%	-109.776	8.932.227	0,01
18	EIB	-	0,00%	1,71%	1,71%	10.270.520	9.969.699	1,03
19	VPI	3.747.060	1,72%	1,65%	-0,07%	-146.718	951.861	0,15
20	DIG	9.439.386	1,66%	1,58%	-0,08%	-461.339	24.533.075	0,02
21	VHC	3.225.400	1,57%	1,49%	-0,08%	-162.685	420.286	0,39
22	IDC	4.643.510	1,65%	1,46%	-0,18%	-516.344	2.410.558	0,21
23	VIX	22.137.017	1,66%	1,41%	-0,25%	-3.175.828	21.094.026	0,15
24	GEX	11.681.864	1,43%	1,37%	-0,06%	-454.937	15.568.514	0,03
25	KDC	2.535.030	1,39%	1,35%	-0,03%	-63.422	1.217.822	0,05
26	SBT	9.709.181	1,34%	1,20%	-0,13%	-980.858	3.510.955	0,28
27	BVH	3.394.696	1,28%	1,19%	-0,09%	-246.110	503.018	0,49
28	DPM	4.267.500	1,14%	1,15%	0,01%	48.767	1.759.397	0,03
29	PVS	4.875.900	1,27%	1,15%	-0,12%	-457.857	6.377.393	0,07
30	PDR	10.632.100	1,23%	1,15%	-0,09%	-773.917	7.214.809	0,11
31	VCG	6.324.790	1,11%	1,14%	0,03%	148.569	7.007.649	0,02
32	SHS	12.014.050	1,13%	1,10%	-0,04%	-391.537	20.293.113	0,02
33	PVD	5.084.188	1,04%	1,01%	-0,03%	-133.140	5.678.661	0,02
34	HAG	15.333.100	1,00%	0,94%	-0,07%	-1.003.366	10.710.571	0,09
35	DCM	4.655.800	0,93%	0,88%	-0,05%	-238.332	2.046.992	0,12
36	HUT	5.886.700	0,89%	0,85%	-0,05%	-309.188	2.494.327	0,12
37	HSG	8.204.940	1,09%	0,83%	-0,25%	-1.945.206	12.630.302	0,15
38	TCH	11.283.020	0,82%	0,80%	-0,02%	-271.423	8.667.580	0,03
39	KDH	3.278.140	0,82%	0,79%	-0,04%	-145.801	2.458.116	0,06
40	DXG	6.008.700	0,71%	0,75%	0,03%	276.729	18.948.494	0,01
41	HDG	2.581.420	0,75%	0,67%	-0,08%	-271.376	1.530.528	0,18
42	HNG	18.718.100	0,59%	0,57%	-0,02%	-507.579	6.691.606	0,08

Nguồn: SSI Research

4. Tổng hợp giao dịch của các ETF

Mã CK	Số lượng CP mua/bán			Số phiên giao dịch tương đương
	FTSE Vietnam Swap UCITS ETF	VanEck Vectors Vietnam ETF	Tổng	
EIB	282.409	10.270.520	10.552.929	1,06
HPG	1.862.482	2.005.396	3.867.878	0,21
POW	307.068	3.087.650	3.394.718	0,49
VRE	3.942.438	-1.563.816	2.378.622	1,94
MSN	467.137	1.327.212	1.794.349	1,36
VIC	64.228	1.144.284	1.208.512	0,52
VNM	474.479	660.452	1.134.931	0,57
DXG	109.000	276.729	385.729	0,02
VCI	218.997	-27.193	191.804	0,05
VCG	-28.453	148.569	120.116	0,03
DGC	121.650	-174.166	-52.516	0,17
KDC	0	-63.422	-63.422	0,05
KDH	0	-145.801	-145.801	0,06
VPI	0	-146.718	-146.718	0,15
VHC	0	-162.685	-162.685	0,39
SAB	0	-168.632	-168.632	1,20
PVD	-51.449	-133.140	-184.589	0,03
VJC	106.217	-323.118	-216.900	0,28
DCM	0	-238.332	-238.332	0,12
BVH	0	-246.110	-246.110	0,49
HDG	0	-271.376	-271.376	0,18
TCH	0	-271.423	-271.423	0,03
HUT	0	-309.188	-309.188	0,12
GEX	143.669	-454.937	-311.269	0,04
KBC	-236.083	-109.776	-345.858	0,04
VHM	855.086	-1.237.827	-382.741	1,21
SHS	0	-391.537	-391.537	0,02
PVS	0	-457.857	-457.857	0,07
HNG	0	-507.579	-507.579	0,08
IDC	0	-516.344	-516.344	0,21
DPM	-709.487	48.767	-660.720	0,43
PDR	0	-773.917	-773.917	0,11
VND	390.100	-1.277.161	-887.061	0,07
DIG	-429.223	-461.339	-890.561	0,04
SBT	0	-980.858	-980.858	0,28
HAG	0	-1.003.366	-1.003.366	0,09
VCB	-1.410.576	350.699	-1.059.877	2,12
SHB	601.379	-1.987.307	-1.385.928	0,10
HSG	-195.076	-1.945.206	-2.140.282	0,17
SSI	-556.299	-1.903.888	-2.460.187	0,13
VIX	0	-3.175.828	-3.175.828	0,15
NVL	-10.049.790	-2.387.527	-12.437.317	0,71

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Tài liệu này chỉ được lưu hành nội bộ và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư
phuonghv@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

Vĩ mô

Phạm Lưu Hưng

Phó Giám đốc
hungpl@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô
trinhhtt@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

Phân tích kỹ thuật

Đỗ Nam Tùng

Chuyên viên cao cấp Phân tích Định lượng
tungdn@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8709

Phân tích cổ phiếu KHCN

Ngô Thị Kim Thanh

Chuyên viên phân tích cao cấp
thanhntk@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3053

Chiến lược thị trường

Nguyễn Lý Thu Nga

Chuyên viên phân tích cao cấp
nganlt@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

Dữ liệu

Nguyễn Thị Kim Tân

Chuyên viên hỗ trợ
tanntk@ssi.com.vn
Tel: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715